TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 778/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-07-2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Cương;
2. Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Hồ Văn Cảm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2451/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4024/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Tăng Đức D**, sinh năm: 1966 (Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Châu Huệ A**, sinh năm: 1963 (Vắng mặt).
Địa chỉ: USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, ông Tăng Đức D - nguyên đơn trình bày:

Sau khi tìm hiểu một thời gian thì vào ngày 18 tháng 10 năm 1986, ông và bà Châu Huệ A cùng đến Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 23 quyển số 01 ngày 18 tháng 10 năm 1986).

Sau khi kết hôn, bà Châu Huệ A sang Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, hai bên ít có thời gian liên lạc, thường xuyên phát sinh những mâu thuẫn bất hòa không thể hàn gắn được. Nhận thấy cả hai không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa nên ông yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà Châu Huệ A có 01 con chung là Tăng Quới T, sinh năm 1987 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tăng Đức D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp sau đó đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở của Đại sứ quán đồng thời thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán để thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bà Châu Huệ A vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Tăng Đức D có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời trong đơn ông giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên.

Bị đơn bà Châu Huệ A vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Tăng Đức D và bà Châu Huệ A là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã gửi Văn bản Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án cho bị đơn bà Châu Huệ A theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản của Bộ Tư pháp ngày 20/12/2018 về việc không thực hiện được ủy thác nên Tòa án gửi văn bản đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở của Đại sứ quán đồng thời thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ nhất bị đơn không có mặt nên phiên tòa phải hoãn. Đến ngày

mở lại phiên tòa lần thứ hai, Tòa án không nhận được ý kiến trả lời đồng thời bị đơn không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn như quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 28/12/2018, nguyên đơn ông Tăng Đức D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 23 quyển số 01 ngày 18 tháng 10 năm 1986 do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Tăng Đức D và bà Châu Huệ A là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn ông Tăng Đức D thì bà Châu Huệ A sinh sống, làm việc ở Hoa Kỳ còn ông ở Việt Nam nên vợ chồng không có điều kiện chung sống với nhau, có nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho bà Anh biết yêu cầu ly hôn của ông D và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời. Điều này cho thấy bà A không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với ông D, nên dù có biện pháp nào cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông D có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông Tăng Đức D và bà Châu Huệ A có 01 con chung là Tăng Quới T, sinh năm 1987 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tăng Đức D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Tăng Đức D phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Tăng Đức D.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tăng Đức D được ly hôn với bà Châu Huệ A.

- Về con chung: Ông Tăng Đức D và bà Châu Huệ A có 01 con chung là Tăng Quới T, sinh năm 1987 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Tăng Đức D chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0048991 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Tăng Đức D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Bà Châu Huệ A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND P12, Q11, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hậu